BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TIÊU CHUẨN 2

TIÊU CHÍ 2.1
Minh chứng: H2.02.01.06
Tên minh chứng: Báo cáo Kết quả khảo sát của các bên liên quan về rà soát CTĐT, Đề cương chi tiết học phần

CÁC TÀI LIỆU TRONG MINH CHỨNG

TT	Tên tài liệu (tên văn bản/báo cáo/bảng biểu…)	Trang
1.	Báo cáo Kết quả khảo sát của các bên liên quan về rà soát CTĐT, Đề cương chi tiết học phần	1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày tháng **11** năm **2021***

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA CỰU SINH VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG, THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CĐR, MỤC TIÊU CỦA CTĐT, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Phiếu số 04)

Ngành Kỹ thuật Cơ khí

1. Mục đích khảo sát: với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chiến lược phát triển của nhà trường, CĐR, mục tiêu CTĐT, đề cương chi tiết học phần và ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động.

2. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên từng theo học ngành Kỹ thuật Cơ khí tại trường Đại học Mỏ- Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: 10/2021

4. Phương pháp khảo sát: Tổ chức lấy ý kiến trực tuyến.

5. Tổng số phiếu khảo sát: 133 phiếu

6. Thống kê kết quả:

Ý kiến đóng góp của cựu sinh viên đối với từng mục theo thang điểm từ 1 đến 5:

1. Hoàn toàn không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Phân vân 4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

6.1. Nội dung phiếu Khảo sát đánh giá và kết quả khảo sát được thể hiện ở các mục I, II, III, IV và các bảng 6.1, 6.2, 6.3 và hình 6.1, 6.2, 6.3 dưới đây:

I. Chiến lược phát triển của Nhà trường

Bảng 6.1. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về chiến lược phát triển của Nhà trường

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (Theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	

1	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website	Phiếu	10	1	3	64	55	4,15
		%	7,52	0,752	2,256	48,12	41,35	
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	Phiếu	6	3	3	74	47	4,15
		%	4,51	2,256	2,256	55,64	35,34	
3	Chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	Phiếu	8	0	9	77	39	4,05
		%	6,02	0	6,767	57,89	29,32	
4	Anh/Chị tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	Phiếu	6	3	8	78	38	4,05
		%	4,51	2,256	6,015	58,65	28,57	
5	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường	Phiếu	7	1	5	75	45	4,13
		%	5,26	0,752	3,759	56,39	33,83	
	TB	%	5,56	1,20	4,21	55,34	33,68	

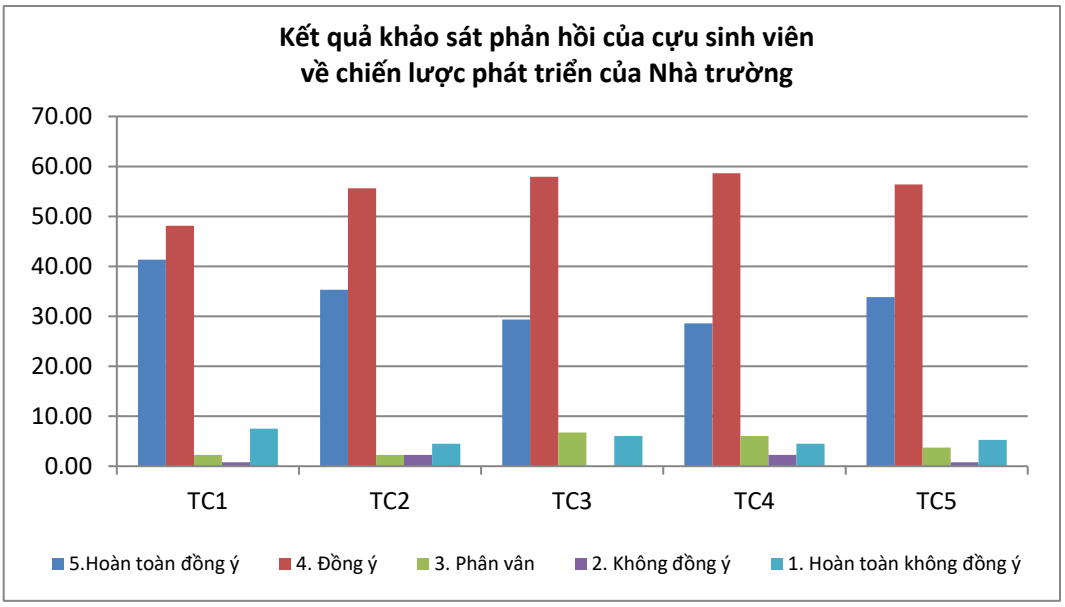

Hình 6.1. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi sinh viên về chiến lược phát triển của Nhà trường

Như vậy với chiến lược phát triển của nhà trường, đa số (89,02%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường công khai, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người

học và chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi. Tuy nhiên cũng còn số ít (10,98%) cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên, đặc biệt là các ý kiến hoàn toàn không đồng ý còn chiếm tỷ lệ cao (7,52%) ở ý kiến tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố công khai trên website và chiến lược của nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

II. Thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (Theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
6	CĐR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của Anh/Chị	Phiếu	8	4	8	68	45	4,04
		%	6,02	3,008	6,015	51,13	33,83	
7	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	Phiếu	6	13	7	67	40	3,92
		%	4,51	9,774	5,263	50,38	30,08	
8	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	Phiếu	7	19	18	60	29	3,64
		%	5,26	14,29	13,53	45,11	21,80	
9	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	Phiếu	7	8	14	63	41	3,92
		%	5,26	6,015	10,53	47,37	30,83	
10	Đề cương, nội dung học phần được cập nhật thường xuyên	Phiếu	7	4	17	68	37	3,93
		%	5,26	3,008	12,78	51,13	27,82	
11	Anh/Chị được tham gia góp ý khi Nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	Phiếu	8	3	12	69	41	3,99
		%	6,02	2,256	9,023	51,88	30,83	
	TB	%	5,26	7,07	10,23	49,17	28,27	

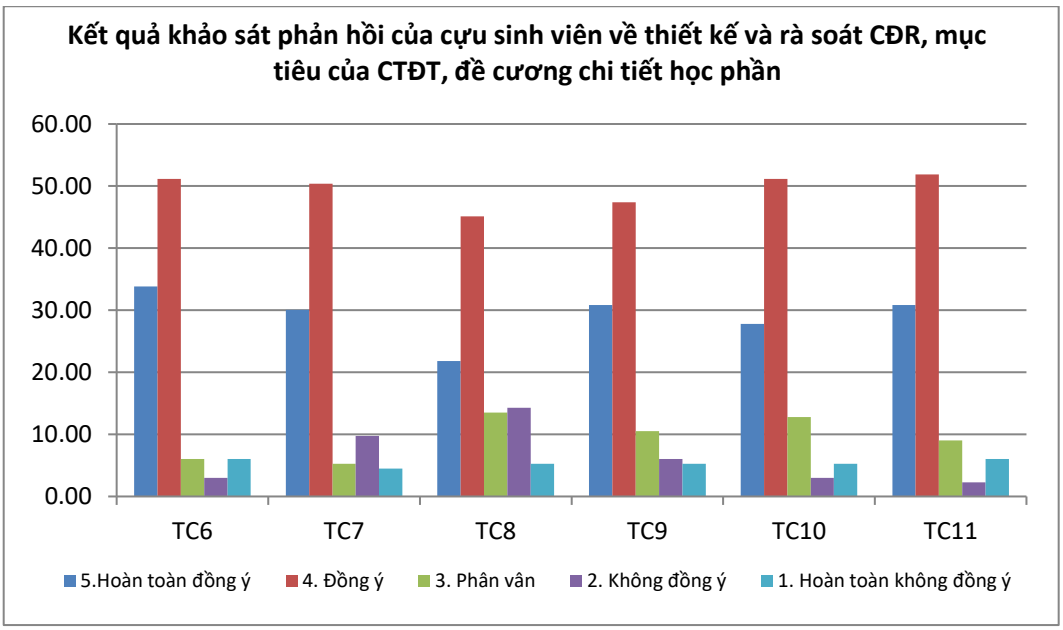

Hình 6.2. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần

Và với việc thiết kế và rà soát CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phần nhiều (77,4%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như CĐR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của người học, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý… Tuy nhiên cũng còn khá nhiều cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (22,56%), đặc biệt là các ý kiến hoàn toàn không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý còn chiếm tỷ lệ cao (19.55%) về tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý . Vậy CTĐT cần được thiết kế với tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý hơn, tăng thực hành lên.

.

III. Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Bảng 6.3. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (Theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
12	Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động	Phiếu	8	3	0	65	57	4,20
		%	6,02	2,256	0	48,87	42,86	

STT	Nội dung đánh giá	ĐV	Tỷ lệ					TB trọng số (Theo thang 5)
			①	②	③	④	⑤	
13	Các nhà tuyển dụng đóng góp ý kiến và tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Phiếu	7	4	8	65	49	4,09
		%	5,26	3,008	6,015	48,87	36,84	
14	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	Phiếu	6	1	9	59	58	4,22
		%	4,51	0,752	6,767	44,36	43,61	
15	Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm	Phiếu	6	0	8	56	63	4,28
		%	4,51	0	6,015	42,11	47,37	
16	Thời lượng lý thuyết giảm đi	Phiếu	6	3	10	62	52	4,14
		%	4,51	2,256	7,519	46,62	39,10	
17	Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	6	5	4	51	67	4,26
		%	4,51	3,759	3,008	38,35	50,38	
18	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	Phiếu	5	3	6	55	64	4,28
		%	3,76	2,256	4,511	41,35	48,12	
19	Sinh viên được trang bị thêm về kỹ năng học tập suốt đời	Phiếu	5	3	7	67	51	4,17
		%	3,76	2,256	5,263	50,38	38,35	
20	Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động	Phiếu	7	0	3	61	62	4,29
		%	5,26	0	2,256	45,86	46,62	
21	Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên	Phiếu	7	1	2	66	57	4,24
		%	5,26	0,752	1,504	49,62	42,86	
22	Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường	Phiếu	8	6	9	59	51	4,05
		%	6,02	4,511	6,767	44,36	38,35	
	TB	%	4,81	1,95	4,06	46,32	42,86	

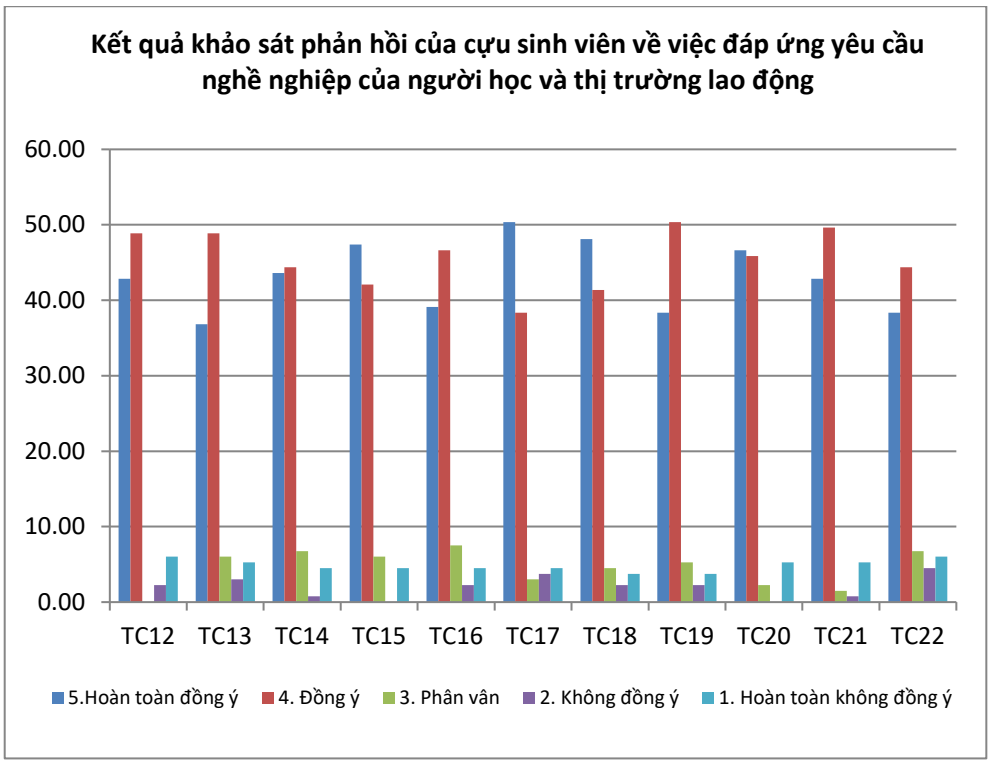

Hình 6.3. Biểu đồ biểu diễn kết quả khảo sát đánh giá phản hồi cựu sinh viên về việc đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Còn các ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động, hầu hết (89,17%) cựu sinh viên đều đưa ra ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các vấn đề cần khảo sát như Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động , thời lượng lý thuyết giảm đi, các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường … Tuy nhiên cũng còn có những cựu sinh viên còn phân vân và chưa đồng ý với các ý kiến trên (10,83%).

IV. Thông tin về việc làm của cựu sinh viên

1. Công việc hiện tại của Cựu sinh viên đa số phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo đạt tỷ lệ 72,93% nhưng cũng có khá nhiều cựu sinh viên làm trái ngành chiếm tỷ lệ (27,07%).

2. Có trên 86% cựu sinh viên là hài lòng với công việc hiện tại.

	Nội dung	**a**		**b**		**c**		**d**		**e**	
		Phiếu	%	Phiếu	%	Phiếu	%	Phiếu	%	Phiếu	%

25	Thời gian cựu sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp: a. Dưới 3 tháng b. Sau 3 - 6 tháng c. Từ 6 - 12 tháng d. - Trên 12 tháng e. Không có việc làm sau 1 năm	86	64,66	91	68,42	7	5,26	4	3,01	2	1,50
26	Cựu sinh viên tìm được việc làm thong qua: a. Bạn bè người quen giới thiệu b. Tự tìm việc làm c. Nhà trường giới thiệu d. Tự tạo việc làm e. Thực tập doanh nghiệp	31	23,31	34	25,56	5	3,76	5	3,76	7	5,26
27	Cựu sinh viên làm việc cho loại hình kinh doanh: a. Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước b. Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân c. Cơ quan/doanh nghiệp nước ngoài d. Kinh doanh tự do e. Các loại hình khác	17	12,78	85	63,91	36	27,07	7	5,26	8	6,02
28	Mức thu nhập hiện tại của cựu sinh viên (triệu đồng/tháng) a. Dưới 4 triệu b. Từ 4 - 6 riệu c. Từ 6 - 8 triệu d. Từ 8-10 triệu e. Trên 10 triệu	1	0,752	65	48,87	17	12,78	29	21,80	80	60,15

Như vây, với những sinh viên đã theo học ngành Kỹ thuật Cơ khí trường thì đa số sau khi tốt nghiệp họ đều làm đúng ngành được đào tạo, hài lòng với công việc hiện tại, trước 6 tháng họ đã tìm được việc làm và có thu nhập ổn định ở mức trung bình trong xã hội, thậm chí thu nhâp cao chiếm tỷ lệ cao (trên 60%) và họ làm cho các loại hình doanh nghiệp.

7. Trong thời gian học tập tại trường cựu sinh viên đã hài lòng với các vấn đề như: Giảng viên nhiệt tình, chu đáo, giảng viên có nhiều mối quan hệ xã hội để giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp, cơ sở vật chất tốt, CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội…

8. Tuy nhiên cựu sinh viên vẫn chưa thực sự hài lòng ở một sô vấn đề sau: Kiến thức đại cương và thể dục còn khá nặng, kiến thức thức tế ít, một số thủ tục, nhu cầu của sinh viên giải quyết còn chậm…

9. Nếu có cơ hội tư vấn người thân, bạn bè chọn trường thì cựu sinh viên đa số có giới thiệu (đạt tỷ lệ giới thiệu cao 87,97%). Như vây với CTĐT này người học được đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

10. Cựu sinh viên có một só ý kiến khác góp ý cho nhà trường:

Trong quá trình sinh viên học tập rất mong nhà trường đào tạo thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng phát triển bản thân, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên gắn với thực tế của thị trường lao động cũng như nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, để ngày càng nhiều sinh viên ra

trường làm đúng ngành đã được học, tránh lãng phí kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo, mang kiến thức đã học cũng như tâm huyết của thầy cô phát triển ngành cơ khí và nền kinh tế đất nước.

Nhà trường tổ chức nhiều dịp cho các doanh nghiệp tiếp xúc với sinh viên hơn, hướng sinh viên có thể hiểu chuyên sâu hơn về ngành học đang đào tao;

Cần tạo thêm những kiến thức cơ bản áp dụng sát thực tế hơn;

Rút bớt 1 số học phần giảm số năm học đi;

Ngoài học tập hãy tích cực nâng cao các kỹ năng mềm cho bản thân;

Có Định hướng nghề nghiệp sớm trong hai nắm cuối thì sau ra trường sẽ có việc làm ổn định hơn;

Đạo tạo cần chất lượng hơn số lượng. Có định hướng theo nhu cầu thực tế. Lược bớt những môn học ít thực tế theo từng ngành;

Nâng cao trình độ ngoại ngữ của sinh viên;

Có thể mời những người nguyên là sinh viên Trường đã thành công trong sự nghiệp về chia sẻ với sinh viên ngay từ năm nhất, tạo định hướng và tấm gương cụ thể cho các bạn;

Mong nhà trường đào tạo sát với việc làm thực tế, chú trọng vào thực hành hơn;

Nhà trường đáng giá nhu cầu sử dụng lao động của xã hội để tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp phù hợp cho sinh ngay từ những ngày tuyển sinh đại học. Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc nhiều với doanh nghiệp phù hợp với ngành học để tìm hiểu về những kỹ năng cần thiết khi ra trường. Kết hợp với doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên năm thứ tư hoặc năm thứ năm có cơ hội tham gia thực tập sinh tại các tổ chức, doanh nghiệp;

Liên kết sâu rộng hơn nữa với các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động. Đưa ra chương trình học, thực hành bám sát hơn nữa với thực tế tuyển dụng.

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	**Người lập báo cáo** **Tạ Thị Toán**